

Bản án số: 42/2020/HS-ST  
Ngày 28/8/2020

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- **Các Hội thẩm nhân dân** :
  1. Ông Phạm Tuấn Dũng;
  2. Ông Trần Văn Nghi.
- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà**: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2020/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/QĐXXST-HS ngày 14/8/2020 đối với các bị cáo :

**1. Họ và tên Trần Văn H**, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**2. Họ và tên Trần Văn Q**, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị N; có vợ là Phạm Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**3. Họ và tên Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở : xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Trần Thị T2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**4. Họ và tên Phạm Văn P**, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở : xóm 11, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N1 và bà Trần Thị N2; có vợ là Nguyễn Thị P1, chưa có con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**5. Họ và tên Nguyễn Văn D**, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị T3; có vợ là Phạm Thị N3 và 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Phạm Thị N, sinh năm 1989; Trú tại: xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

+ Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn A và anh Phạm Văn T4(đều vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Buổi tối ngày 03/6/2020 Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Trần Văn Q đến chơi tại quán bi a của gia đình Nguyễn Văn D ở xóm 1, xã K, huyện K. Khoảng 21 giờ cùng ngày H rủ những người trên đánh bạc ăn tiền thì mọi người đều đồng ý. Cả bốn người cùng đi lên tầng hai nhà D để đánh bạc. Q lấy bộ tứ lơ khơ có sẵn ở trên bàn bi a và cả hội cùng ngồi trên chiếc chiếu nhựa đã trải sẵn ở tầng 2 chơi đánh bạc bằng hình thức chơi liêng, mỗi ván đặt cược 10.000đ đến 100.000đ. Khoảng 15 phút sau, D đi làm về thấy mọi người đang đánh bạc nên cũng ngồi vào tham gia đánh bạc cùng, sau khi chơi được 3 ván, do thua hết tiền nên D nghỉ chơi, xuống nhà tắm rửa và trông coi quán. Đến 22 giờ 15 phút cùng ngày khi H, T, P, Q đang đánh bạc thì bị tổ công tác Công an huyện K phối hợp với Công an xã K phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 4.920.000đ, 01 bộ tứ lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu nhựa, ngoài ra còn thu trên người các đối tượng số tiền 830.000đ (gồm 500.000đ của Q và 330.000đ của H), tạm giữ 02 ví da và 04 điện thoại các loại.

Quá trình điều tra xác định số tiền 830.000đ thu giữ trong ví của Q và H đều sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy tổng số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc là 5.750.000đ.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 06/8/2020 VKSND huyện K truy tố các bị cáo Trần Văn H, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Nguyễn Văn D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1,3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015(BLHS 2015).

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện K, tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử ( HĐXX ):

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Trần Văn Q, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn P và Nguyễn Văn D phạm tội “ Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H, Trần Văn Q và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo số tiền từ 25 – 30 triệu đồng ;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo số tiền từ 20 – 25 triệu đồng;

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Văn H, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Nguyễn Văn D đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đồng bọn như nội dung cáo trạng đã nêu. Các bị cáo H, Q, T, P và D khai nhận, buổi tối ngày 03/6/2020 trong lúc chơi bài tại quán của Nguyễn Văn D (khi này D đi làm chưa về), H đã rủ mọi người đánh bạc ăn tiền thì tất cả đều đồng ý, sau đó 4 người gồm H, Q, T, P cùng ngồi trên chiếu nhựa đã trải sẵn ở tầng hai nhà D đánh bạc bằng hình thức đánh liêng ăn tiền mỗi ván đặt cửa 10.000đ, mức tổ cao nhất là 100.000đ, chơi được khoảng 15 phút thì D đi làm về thấy mọi người đang đánh bạc cũng vào tham gia chơi cùng, D chơi được ba ván thì nghỉ, còn lại 4 người vẫn chơi tiếp, đến 22 giờ 15 phút cùng ngày khi H, Q, T, P đang đánh bạc thì bị Công an huyện K và Công an xã K phát hiện lập biên bản sự việc, thu trên chiếu bạc số tiền 4.920.000đ là tiền các bị cáo đang dùng đánh bạc. Ngoài ra còn thu giữ trên người bị cáo Q 500.000đ và bị cáo H 330.000đ, là tiền các bị cáo sẽ dùng tiếp vào việc đánh bạc.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản sự việc, thống kê vật chứng thu giữ...

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận với hành vi đánh bạc được thua bằng tiền có giá trị 5.750.000đ, các bị cáo Trần Văn H, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T, Phạm Văn P và Nguyễn Văn D đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, là tệ nạn xã hội cần phải loại trừ, vì vậy cần xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần giữ vững ổn định trật tự xã hội trên địa bàn.

[2] Trong vụ án này, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tuy là đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vị trí, vai trò mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt phù hợp với từng bị cáo. Bị cáo H là người khởi xướng việc đánh bạc vì vậy vai trò của bị cáo H là lớn nhất; bị cáo Q là người chuẩn bị bài và tham gia tích cực có vai trò tiếp theo; bị cáo T và P khi được H rủ đã đồng ý tham gia ngay vì vậy trách nhiệm của hai bị cáo này là ngang nhau và phải chịu trách nhiệm sau bị cáo Q. Đối với bị cáo D là chủ nhà nhưng khi các bị cáo khác bắt đầu chơi bạc tại nhà mình thì D không biết vì đang đi làm, tuy bị cáo không thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc hay gá bạc, nhưng khi đi làm về thấy các bị cáo khác đang chơi bạc tại nhà mình, không những bị cáo không ngăn cản mà còn tham gia chơi cùng, tuy chỉ chơi có ba ván thì nghỉ nhưng bị cáo cũng đồng phạm với các bị cáo khác về tội đánh bạc và phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện.

[3] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đều khai báo thành khẩn và tỏ thái độ ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo T do bị tai nạn lao động cắt mất bàn tay phải, việc lao

động và sinh hoạt gặp nhiều khó khăn vì vậy cần coi đó là tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Xét nhân thân, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo như đã phân tích ở trên, HĐXX xét thấy: do các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn, vì vậy chỉ cần xử phạt các bị cáo bằng hình thức phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục và không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung về phạt tiền mà nên thu hút vào hình phạt chính.

[6] Đối với chị Phạm thị N3 (vợ bị cáo D) là chủ nhà, nhưng khi các bị cáo H, Q, T, P lên tầng hai của gia đình đánh bạc thì chị đang trông con trong phòng ngủ nên không biết, bản thân chị N3 không thu lợi bất chính từ việc các bị cáo đánh bạc tại nhà ở của mình vì vậy chị N3 không phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 5.750.000đ là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước; Đối với bộ tú lơ khơ 52 quân các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và là vật không còn giá trị sử dụng vì vậy cần tịch thu cho tiêu hủy. Các đồ vật khác thu giữ từ các bị cáo gồm 01 ví da màu đen và 01 điện thoại Samsung Galaxy S10 thu của bị cáo H, 01 ví da màu nâu và 01 điện thoại Vsmart Active3 màu xanh thu của bị cáo Q; 01 điện thoại Samsung A50 thu của bị cáo T; 01 điện thoại Oppo A1 màu đen thu của bị cáo P; 01 chiếu nhựa màu đỏ - trắng thu của gia đình chị N3 (vợ bị cáo D), đây là các đồ vật các bị cáo không dùng vào việc phạm tội là đồ dùng sinh hoạt của gia đình chị N3 vì vậy cần trả lại cho các bị cáo và chị N3, nhưng cần tiếp tục quản lý các điện thoại nêu trên để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố các bị cáo Trần văn H, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T, Phạm văn P và Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Riêng bị cáo Thật được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H số tiền 26.000.000.000đ;
- Xử phạt bị cáo Trần Văn Q số tiền 25.000.000.000đ;
- Xử phạt bị cáo Phạm Văn P số tiền 24.000.000.000đ;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 24.000.000đ;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000đ.

+ Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu số tiền 5.750.000đ là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội để sung quỹ nhà nước;

- Tịch thu bộ tú lơ khơ 52 quân là vật các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng cho tiêu hủy.

- Trả lại cho các bị cáo, gồm bị cáo Trần Văn H 01 ví da màu đen và 01 điện thoại Sam sung Galaxy S10; bị cáo Trần Văn Q 01 ví da màu nâu và 01 điện thoại Vsmart Active3 màu xanh; bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại Samsung A50; bị cáo Phạm Văn P 01 điện thoại Oppo A1 màu đen và trả lại cho chị Phạm thị N3 (vợ bị cáo D) 01 chiếc chiếu nhựa màu đỏ - trắng, nhưng cần tiếp tục quản lý các điện thoại nêu trên của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 07/8/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

+Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc các bị cáo Trần văn H, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T, Phạm văn P và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền và nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã K, K;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hữu Mạnh**